

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

THÁI NGUYÊN, NĂM 2025

Số: 2063/QĐ-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ nghị quyết số 39/NQ-HĐĐTHN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3561/QĐ-ĐHKTCN ngày 12/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3571/QĐ-ĐHKTCN ngày 14/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học cho chương trình tiên tiến của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Biên bản số 86/BB-HĐKH&ĐT ngày 14/08/2025 của Hội đồng Khoa học & Đào tạo Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này thay thế cho các Quyết định số 1848/QĐ-ĐHKTCN ngày 12/7/2022; Quyết định số 2325/QĐ-ĐHKTCN ngày 29/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trường các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Các PHT;
- Các Khoa, Phòng TT&QLCL;
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG
TS. Đỗ Trung Hải

DANH SÁCH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2063/QĐ-ĐHKTCN ngày 28 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

1. NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

TT	Mã ngành	Ngành	Chuyên ngành	
1	7520103	Kỹ thuật cơ khí	1	Cơ khí chế tạo máy
			2	Tự động hóa thiết kế và chế tạo
2	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3	Công nghệ sản xuất tự động
			4	Công nghệ khuôn mẫu
3	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	5	Kỹ thuật Cơ điện tử
4	7520903	Kỹ thuật vật liệu	6	Kỹ thuật vật liệu
5	7520107	Kỹ thuật Robot	7	Robot và trí tuệ nhân tạo
6	7520116	Kỹ thuật Cơ khí động lực	8	Cơ khí động lực
			9	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh
			10	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh
7	7510205	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	11	Công nghệ ô tô
			12	Công nghệ nhiệt lạnh ô tô
			13	Công nghệ cơ điện tử ô tô
			14	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai
8	7580201	Kỹ thuật xây dựng	15	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
9	7580101	Kiến trúc	16	Kiến trúc công trình
10	7520320	Kỹ thuật môi trường	17	Kỹ thuật môi trường
			18	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị
11	7520201	Kỹ thuật điện	19	Kỹ thuật điện và công nghệ thông minh
			20	Hệ thống điện
			21	Thiết bị điện – điện tử

			22	Điện công nghiệp và dân dụng
12	7520216	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	23	Tự động hóa công nghiệp
			24	Kỹ thuật điều khiển
13	7510303	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	25	Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa
14	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	26	Điện tử viễn thông
			27	Kỹ thuật điện tử
			28	Công nghệ IoT và hệ thống điện tử thông minh
			29	Truyền thông và mạng máy tính
			30	Quản trị mạng và truyền thông
			31	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch
15	7480106	Kỹ thuật máy tính	32	Tin học công nghiệp
			33	Kỹ thuật dữ liệu và trí tuệ nhân tạo
			34	Hệ thống nhúng và IoT
			35	Kỹ thuật phần mềm.
16	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	36	Công nghệ kỹ thuật điện
17	7510202	Công nghệ chế tạo máy	37	Công nghệ chế tạo máy
18	7510601	Quản lý công nghiệp	38	Quản lý công nghiệp
			39	Logistics
19	7510604	Kinh tế công nghiệp	40	Kế toán doanh nghiệp công nghiệp
			41	Quản trị doanh nghiệp công nghiệp
20	7220201	Ngôn ngữ Anh	42	Tiếng Anh khoa học kỹ thuật và công nghệ
21	7905218	Kỹ thuật cơ khí-Chương trình tiên tiến	43	Kỹ thuật cơ khí
			44	Tự động hóa cơ khí
22	7905228	Kỹ thuật điện – Chương trình tiên tiến	45	Kỹ thuật điện

Ấn định danh sách: 22 ngành; 45 chuyên ngành.

2. NGÀNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG

TT	Mã ngành	Ngành	Chuyên ngành	
1	7520103	Kỹ thuật cơ khí	1	Cơ khí chế tạo máy
2	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2	Công nghệ sản xuất tự động
3	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	3	Kỹ thuật Cơ điện tử
4	7520903	Kỹ thuật vật liệu	4	Kỹ thuật vật liệu
5	7520116	Kỹ thuật Cơ khí động lực	5	Cơ khí động lực
			6	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh
6	7510205	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	7	Công nghệ ô tô
7	7580201	Kỹ thuật xây dựng	8	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
8	7520320	Kỹ thuật môi trường	9	Kỹ thuật môi trường
9	7520201	Kỹ thuật điện	10	Kỹ thuật điện và công nghệ thông minh
			11	Hệ thống điện
			12	Thiết bị điện – điện tử
			13	Điện công nghiệp và dân dụng
10	7520216	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	14	Tự động hóa công nghiệp
			15	Kỹ thuật điều khiển
11	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	16	Điện tử viễn thông
			17	Kỹ thuật điện tử
12	7480106	Kỹ thuật máy tính	18	Tin học công nghiệp
			19	Kỹ thuật dữ liệu và trí tuệ nhân tạo
			20	Hệ thống nhúng và IoT
			21	Kỹ thuật phần mềm.
13	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	22	Công nghệ kỹ thuật điện
14	7510202	Công nghệ chế tạo máy	23	Công nghệ chế tạo máy
15	7510601	Quản lý công nghiệp	24	Quản lý công nghiệp
16	7510604	Kinh tế công nghiệp	25	Kế toán doanh nghiệp công nghiệp
17	7220201	Ngôn ngữ Anh	26	Tiếng Anh khoa học kỹ thuật và công nghệ

Ấn định danh sách: 17 ngành; 26 chuyên ngành.

PHẦN 1. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Tên tiếng Anh: English Language

Mã ngành: 52220201

Chuyên ngành đào tạo: Tiếng Anh Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh thông qua kỳ thi THPT quốc gia và xét tuyển theo quy định của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp: Hoàn thành chương trình theo Quy chế đào tạo

Tên văn bằng: Cử nhân Ngôn ngữ Anh

(Chương trình đào tạo được ban hành theo Quyết định số 2063/QĐ-ĐHKTCN ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh Chuyên ngành Tiếng Anh Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ đào tạo người học có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức Tiếng Anh cơ bản, cơ sở và chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp, kỹ năng biên dịch, phiên dịch và giảng dạy, có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm, có phẩm chất chính trị, đạo đức, thái độ nghề nghiệp phù hợp, đáp ứng yêu cầu của xã hội về nguồn nhân lực tiếng Anh trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay.

2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ sẽ cung cấp cho người học có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cụ thể như sau:

❖ Kiến thức và lập luận ngành (M1)

Nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có đủ kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, khoa học kỹ thuật ở trình độ đại học; áp dụng những thông tin, kiến thức đã học vào các tình huống thực tế, có được những kiến thức tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh cơ sở ngành; có được những kiến thức tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến các nhóm ngành khoa học, kỹ thuật, công nghệ và giảng dạy

❖ Kỹ năng, tổ chức cá nhân và nghề nghiệp (M2)

Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; trách nhiệm với cộng đồng và xã hội; có đạo đức và uy tín nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật và tác phong làm việc chuyên nghiệp; có kỹ năng phân biện, phê phán và các kỹ năng cần thiết để hoàn thành tốt công việc; có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; chủ động nghiên cứu và khám phá tri thức, hình thành tư duy hệ thống; dám nghĩ, dám làm, kiên trì, tận tụy và tinh thần trách nhiệm cao; có kỹ năng giao tiếp, tự tin trình bày, và diễn giải các vấn đề thông qua các tiểu luận, báo cáo một cách chuyên nghiệp.

❖ Kỹ năng và tổ chất xã hội (M3)

Có kỹ năng làm việc nhóm, xây dựng tinh thần đoàn kết, hợp tác trong học tập và trong các hoạt động; có phương pháp làm việc ở những vai trò khác nhau trong một tập thể; có phương pháp tổ chức, quản lý nhóm hiệu quả; có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; có năng lực ngoại ngữ phụ đạt bậc 3/6 hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ quốc gia.

❖ Năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn (năng lực C-D-I-O) đặt trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp (M4)

Hiểu biết về bối cảnh xã hội và môi trường làm việc để nhận định được những tiềm năng, cơ hội, thách thức của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, kiểm tra các hoạt động tại cơ sở làm việc, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành, từ đó đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ được giao.

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1.1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng - an ninh trong hoạt động chuyên môn và trong thực tiễn cuộc sống	3
1.2	Phân tích và tổng hợp được các kiến thức về ngôn ngữ Anh, dịch thuật và phương pháp nghiên cứu khoa học	4
1.3	Thiết kế, triển khai kế hoạch giảng dạy, biên - phiên dịch, xử lý các văn bản liên quan đến tiếng Anh đặc biệt là tiếng Anh khoa học, kỹ thuật và công nghệ	5
2	KỸ NĂNG, TỔ CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	
2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề trong các lĩnh vực biên dịch, phiên dịch, đối ngoại, giảng dạy và văn phòng.	4
2.2	Nghiên cứu và khám phá tri thức một cách tích cực, chủ động	4
2.3	Tư duy hệ thống về việc sử dụng các kiến thức cơ bản, cơ sở và chuyên ngành để rèn luyện kỹ năng làm việc khoa học, chuyên nghiệp	4

2.4	Quản lý thời gian và phân bổ công việc hợp lý; có khả năng học tập suốt đời, sẵn sàng cho sự phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp.	5
2.5	Thích ứng và làm việc chuyên nghiệp trong các tổ chức thuộc các lĩnh vực giáo dục, khoa học, kỹ thuật và công nghệ, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	4
2.6	Vận dụng kỹ năng tin học để hoàn thành tốt các công việc như: giảng dạy, soạn thảo văn bản, biên phiên dịch, làm đề án, dự án	3
3	KỸ NĂNG VÀ TỔ CHẤT XÃ HỘI	
3.1	Tổ chức, quản lý và làm việc nhóm hiệu quả.	5
3.2	Giao tiếp hiệu quả dưới nhiều hình thức: đối thoại, văn bản, điện tử, đồ họa, thuyết trình, hội họp.	4
3.3	Sử dụng ngoại ngữ phụ hiệu quả trong hầu hết các tình huống giao tiếp quen thuộc thường ngày	3
4	NĂNG LỰC ÁP DỤNG KIẾN THỨC VÀO THỰC TIỄN (NĂNG LỰC C-D-I-O) ĐẶT TRONG BỐI CẢNH XÃ HỘI VÀ DOANH NGHIỆP	
4.1	Phân tích bối cảnh trong nước và quốc tế, bối cảnh lịch sử và giá trị đương đại.	4
4.2	Tôn trọng văn hóa doanh nghiệp trên cơ sở hiểu biết về môi trường làm việc để nhận định được những tiềm năng, cơ hội, thách thức của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.	5
4.3	Hình thành ý tưởng, thiết lập mục tiêu và đảm bảo có phương pháp làm việc phù hợp để đạt được mục tiêu.	4
4.4	Thiết kế chương trình làm việc hiệu quả, phù hợp với mục tiêu.	5
4.5	Triển khai, kiểm tra, kiểm chứng các hoạt động tại cơ sở làm việc, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành.	4
4.6	Xác định các kiến thức, kỹ năng và thái độ để sáng tạo, khởi nghiệp trong lĩnh vực giáo dục, khoa học, kỹ thuật và công nghệ.	4

IV. MA TRẬN TƯƠNG QUAN MỤC TIÊU – CDR

CDR	NỘI DUNG	MỤC TIÊU CỦA CTĐT			
		M1	M2	M3	M4
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH				
1.1	Kiến thức khoa học cơ bản	✓	✓	✓	✓
1.2	Kiến thức nền tảng	✓	✓	✓	✓
1.3	Kiến thức chuyên ngành	✓	✓	✓	✓
2	KỸ NĂNG, TỔ CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP				
2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề trong các lĩnh vực biên dịch, phiên dịch, đối ngoại, giảng dạy và văn phòng.	✓	✓	✓	✓
2.2	Nghiên cứu và khám phá tri thức	✓	✓		✓

2.3	Có khả năng tư duy hệ thống về lĩnh vực đảm nhiệm	✓	✓		✓
2.4	Có kỹ năng quản lý thời gian, phân bổ công việc hợp lý và có khả năng học tập suốt đời để sẵn sàng cho sự phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp.	✓	✓		✓
2.5	Có khả năng thích ứng và làm việc chuyên nghiệp trong các tổ chức thuộc các lĩnh vực giáo dục, khoa học, kỹ thuật và công nghệ, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	✓	✓		✓
2.6	Vận dụng kỹ năng tin học để hoàn thành tốt các công việc như: giảng dạy, soạn thảo văn bản, biên phiên dịch, làm đề án, dự án				
3	KỸ NĂNG VÀ TỔ CHẤT XÃ HỘI				
3.1	Có kỹ năng làm việc nhóm và có phương pháp tổ chức, quản lý nhóm hiệu quả.	✓	✓	✓	✓
3.2	Giao tiếp hiệu quả dưới nhiều hình thức: đối thoại, văn bản, điện tử, đồ họa, thuyết trình, hội họp.	✓	✓	✓	✓
3.3	Sử dụng ngoại ngữ phụ hiệu quả trong hầu hết các tình huống giao tiếp quen thuộc hàng ngày				
4	NĂNG LỰC ÁP DỤNG KIẾN THỨC VÀO THỰC TIỄN (NĂNG LỰC C-D-I-O) ĐẶT TRONG BỐI CẢNH XÃ HỘI VÀ DOANH NGHIỆP				
4.1	Có hiểu biết về bối cảnh trong nước và quốc tế, hiểu biết về lịch sử, văn hóa, các vấn đề và giá trị của thời đại.	✓	✓	✓	✓
4.2	Có hiểu biết về môi trường làm việc để nhận định được những tiềm năng, cơ hội, thách thức của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.	✓	✓	✓	✓
4.3	Hình thành ý tưởng, thiết lập mục tiêu và đảm bảo có phương pháp làm việc phù hợp để đạt được mục tiêu.	✓	✓	✓	✓
4.4	Thiết kế chương trình làm việc hiệu quả, phù hợp với mục tiêu	✓	✓	✓	✓
4.5	Triển khai, kiểm tra, kiểm chứng các hoạt động tại cơ sở làm việc, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành.	✓	✓	✓	✓
4.6	Xác định các kiến thức, kỹ năng và thái độ để sáng tạo, khởi nghiệp trong lĩnh vực giáo dục, khoa học, kỹ thuật và công nghệ.	✓	✓	✓	✓

V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân của ngành Ngôn ngữ Anh có thể đảm nhận các công việc sau:

1. Biên, phiên dịch viên tự do hoặc làm cho các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước với thể mạnh sử dụng Tiếng Anh trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và công nghệ;
2. Chuyên viên làm việc trong các lĩnh vực công nghiệp, tài chính, ngoại giao...;
3. Giáo viên/Giảng viên dạy tiếng Anh, đặc biệt là tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và công nghệ, tại các trường chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo nghề, các trường phổ thông, các trung tâm Ngoại ngữ.

VI. HỌC TẬP VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân của ngành Ngôn ngữ Anh có thể:

1. Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.
2. Tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn trong lĩnh vực ngôn ngữ cũng như các lĩnh vực khoa học xã hội – nhân văn khác.

VII. MÔ TẢ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khung chương trình đào tạo

1.1. Phân bổ khối kiến thức

Khối kiến thức	Số tín chỉ		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Khối kiến thức giáo dục đại cương	40	34	6
- Lý luận chính trị, Pháp luật	13	13	0
- Khoa học xã hội nhân văn	14	8	6
- Ngoại ngữ	10	10	0
- Tin học	3	3	0
Khối kiến thức chuyên nghiệp	88	78	10
- Cơ sở ngành	49	47	2
- Chuyên ngành	31	23	8
- Thực tập và Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	8	8	0
Khối kiến thức GDTC và GDQP			
- Giáo dục thể chất			
- Giáo dục quốc phòng			

1.2. Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH/TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
A.	Khối kiến thức giáo dục đại cương		40						
I	Học phần bắt buộc		34						
1	BAS123	Triết học Mác - Lênin	3	45	0				BM. LLCT
2	BAS215	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30	0		BAS123		

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH/TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
3	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		BAS215		
4	BAS217	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2	30	0		BAS305		
5	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		BAS217		
6	FIM207	Pháp luật đại cương	2	30	0				
7	TEE0220	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	3	45					K. Điện tử
8	PED110	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30	0				Khoa CN CD&ĐT
9	PED109	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30					
10	PED102	Tiếng Việt thực hành	2	30					
11	ENG210	Nhập môn Khoa học Công nghệ	2	30					K. Quốc tế
12	ENG209	Tiếng Trung Quốc 1	3	45					
13	ENG215	Tiếng Trung Quốc 2	3	45			ENG209		
14	ENG308	Tiếng Trung Quốc 3	2	30			ENG215		
15	ENG318	Tiếng Trung Quốc 4	2	30			ENG308		
16	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc							K. KHCB
Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 2 HP)									
	B103BC1	Bóng chuyền 1							
	B103CL1	Cầu lông 1							
	B103BD1	Bóng đá 1							
	B103BR1	Bóng rổ 1							
	B103BK1	Pickleball 1							
	B103BH1	Bóng chuyền hơi 1							
18		Giáo dục QP-AN							TTQP
II	Học phần bổ trợ tự chọn (Trải nghiệm -KT-VH-XH- Môi trường)		6						
19	Học phần tự chọn đại cương (Chọn 03 học phần)		6						
19.1	PED101	Logic học	2	30	0				Khoa CN CD&ĐT
19.2	PED322	Tâm lý học đại cương	2	30	0				
19.3	ENG107	Nhập môn Khoa học tự nhiên	2	30	0				K. Quốc tế

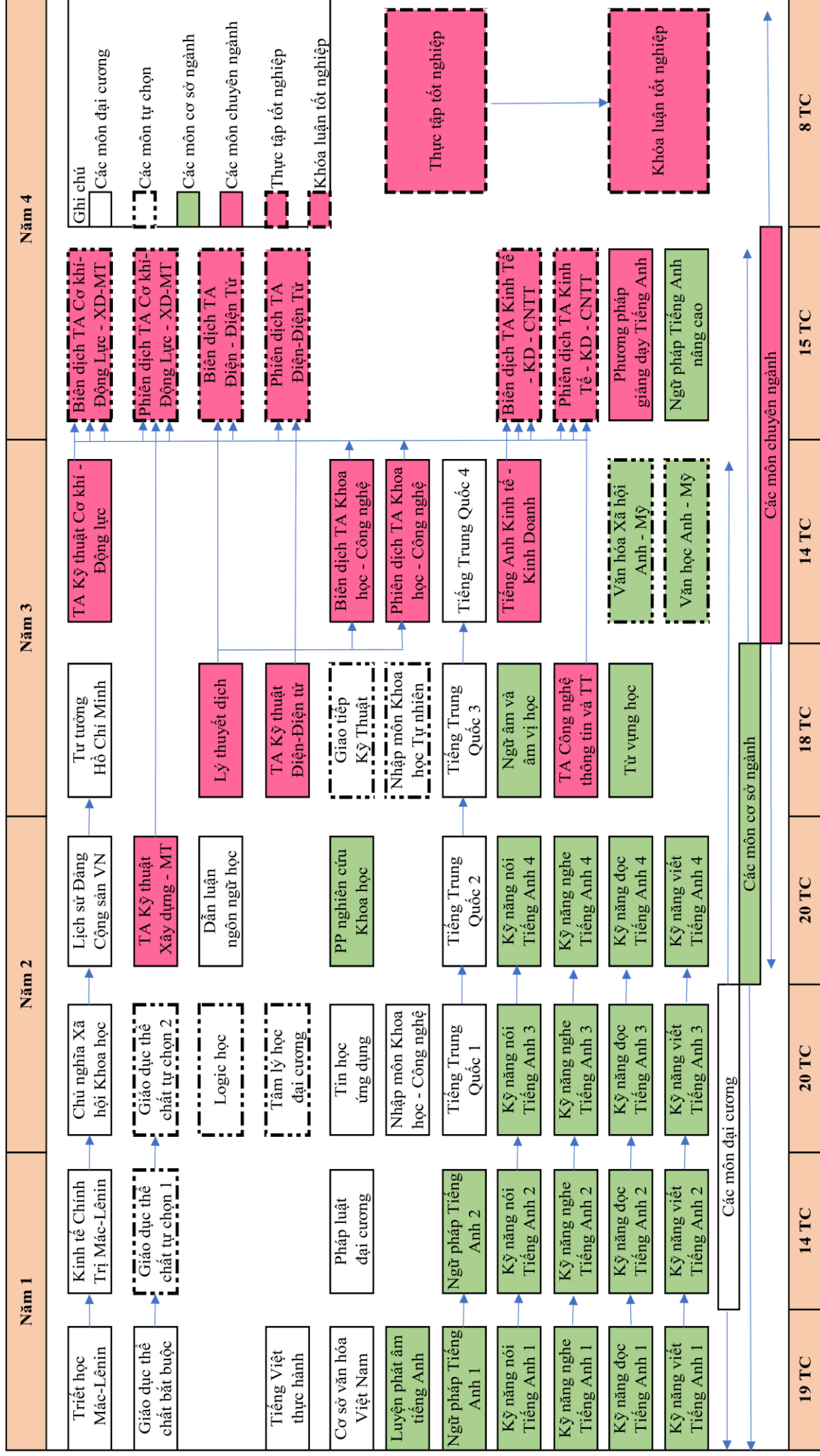
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH/TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
19.4	ENG317	Giao tiếp kỹ thuật	2	30	0				
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		88						
I	Khối kiến thức liên ngành, nhóm ngành và sơ sở ngành		49						
I.1	Kiến thức cơ sở ngành		49						
I.1.1	Học phần bắt buộc		47						
20	ENG102	Kỹ năng nghe tiếng Anh 1	2	30	0			ENG101 ENG104 ENG106	K. Quốc tế
21	ENG108	Kỹ năng nghe tiếng Anh 2	2	30	0		ENG102	ENG107 ENG109 ENG110	
22	ENG206	Kỹ năng nghe tiếng Anh 3	2	30	0		ENG108	ENG205 ENG207 ENG208	
23	ENG212	Kỹ năng nghe tiếng Anh 4	2	30	0		ENG206	ENG211 ENG213 ENG214	
24	ENG101	Kỹ năng nói tiếng Anh 1	2	30	0			ENG102 ENG104 ENG106	
25	ENG107	Kỹ năng nói tiếng Anh 2	2	30	0		ENG101	ENG108 ENG109 ENG110	
26	ENG205	Kỹ năng nói tiếng Anh 3	2	30	0		ENG107	ENG206 ENG207 ENG208	
27	ENG211	Kỹ năng nói tiếng Anh 4	2	30	0		ENG205	ENG212 ENG213 ENG214	
28	ENG104	Kỹ năng đọc tiếng Anh 1	2	30	0			ENG101 ENG102 ENG106	K. Quốc tế
29	ENG109	Kỹ năng đọc tiếng Anh 2	2	30	0		ENG104	ENG107 ENG108 ENG110	
30	ENG207	Kỹ năng đọc tiếng Anh 3	2	30	0		ENG109	ENG206 ENG205 ENG208	
31	ENG213	Kỹ năng đọc tiếng Anh 4	2	30	0		ENG207	ENG214 ENG211 ENG212	
32	ENG106	Kỹ năng viết tiếng Anh 1	2	30	0			ENG101 ENG102 ENG104	
33	ENG110	Kỹ năng viết tiếng Anh 2	2	30	0		ENG106	ENG108 ENG109 ENG107	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH/TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
34	ENG208	Kỹ năng viết tiếng Anh 3	2	30	0		ENG110	ENG206 ENG205 ENG207	
35	ENG214	Kỹ năng viết tiếng Anh 4	2	30	0		ENG208	ENG213 ENG211 ENG212	
36	ENG0107	Luyện phát âm tiếng Anh	2	30	0				
37	ENG0106	Ngữ pháp tiếng Anh 1	2	30	0				
38	ENG0108	Ngữ pháp tiếng Anh 2	2	30	0				
39	ENG326	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao	3	45	0				
40	ENG216	Ngữ âm và âm vị học	2	30	0				
41	ENG309	Từ vựng học	2	30	0				
42	ENG325	Phương pháp NCKH	2	30	0				
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)			2						
43.1	ENG315	Văn hóa xã hội Anh - Mỹ	2	30	0				K. Quốc tế
43.2	ENG316	Văn học Anh - Mỹ	2	30	0				
II	Khối kiến thức chuyên ngành		31						
Học phần bắt buộc			23						
44	ENG406	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	4	60	0				K. Quốc tế
45	ENG313	Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh	2	30	0				
46	ENG314	Tiếng Anh Công nghệ - Thông tin - Truyền thông	2	30	0				
47	ENG404	Tiếng Anh kỹ thuật Cơ khí - Động lực	3	30	0				
48	ENG405	Tiếng Anh kỹ thuật Xây dựng - Môi trường	3	30	0				
49	ENG307	Tiếng Anh kỹ thuật điện - điện tử	3	45	0				K. Quốc tế
50	ENG304	Lý thuyết dịch	2	30	0				
51	ENG319	Biên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ	2	30	0		ENG304		
52	ENG320	Phiên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ	2	30	0		ENG304		

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH/TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
Học phần tự chọn chuyên ngành (chọn 4 trong 6 học phần theo tổ hợp biên-phiên dịch)			8						
53	ENG321	Biên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin	2	30	0		ENG304 ENG313 ENG314		K. Quốc tế
54	ENG322	Phiên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin	2	30	0		ENG304 ENG313 ENG314		
55	ENG411	Biên dịch tiếng Anh điện - điện tử	2	30	0		ENG304 ENG307		
56	ENG412	Phiên dịch tiếng Anh điện - điện tử	2	30	0		ENG304 ENG307		
57	ENG413	Biên dịch tiếng Anh Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường	2	30	0		ENG304 ENG404 ENG405		
58	ENG414	Phiên dịch tiếng Anh Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường	2	30	0		ENG304 ENG404 ENG405		QT
Thực tập và Khóa luận Tốt nghiệp			8						
59	ENG409	Thực tập tốt nghiệp	3	0	45	ENG409			QT
60	ENG410	Khóa luận tốt nghiệp	5	0	75				QT
Các học phần tương đương khóa luận tốt nghiệp									
60.1	ENG420	Phiên dịch tiếng Anh nâng cao	3						
60.2	ENG421	Tiếng Anh khoa học công nghệ trong thời đại 4.0	3						
60.3	ENG424	Biên dịch Tiếng Anh nâng cao	2						
60.4	ENG425	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch thuật	2						
60.5	ENG422	Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	3						
60.6	ENG426	Giao tiếp liên văn hóa	2						
60.7	ENG423	Lý thuyết về giảng dạy tiếng Anh	3						
60.8	ENG427	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Anh	2						
TỔNG CỘNG			128						

2. Sơ đồ tương quan giữa các học phần trong chương trình đào tạo

SƠ ĐỒ TƯƠNG QUAN CỦA CÁC HỌC PHẦN TRONG CTĐT (8 HỌC KỲ)



3. Kế hoạch giảng dạy

3.1. Phương án 1: 8 học kỳ/4 năm

HỌC KỲ 1

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	BAS123	Triết học Mác - Lênin	3	0	
2	ENG102	Kỹ năng nghe tiếng Anh 1	2	0	
3	ENG101	Kỹ năng nói tiếng Anh 1	2	0	
4	ENG104	Kỹ năng đọc tiếng Anh 1	2	0	
5	ENG106	Kỹ năng viết tiếng Anh 1	2	0	
6	ENG0107	Luyện phát âm tiếng Anh	2	0	
7	ENG0106	Ngữ pháp tiếng Anh 1	2		
8	PED109	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		
9	PED102	Tiếng Việt thực hành	2		
10	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc	(1)		
Tổng			19		

HỌC KỲ 2

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	BAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
2	ENG108	Kỹ năng nghe tiếng Anh 2	2		
3	ENG107	Kỹ năng nói tiếng Anh 2	2		
4	ENG109	Kỹ năng đọc tiếng Anh 2	2		
5	ENG110	Kỹ năng viết tiếng Anh 2	2		
6	ENG0108	Ngữ pháp tiếng Anh 2	2		
7	FIM207	Pháp luật đại cương	2		
8	Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 2 HP)		(1)		
	<i>B103BC1</i>	<i>Bóng chuyền 1</i>			
	<i>B103CL1</i>	<i>Cầu lông 1</i>			
	<i>B103BD1</i>	<i>Bóng đá 1</i>			
	<i>B103BR1</i>	<i>Bóng rổ 1</i>			
	<i>B103BK1</i>	<i>Pickleball 1</i>			
	<i>B103BH1</i>	<i>Bóng chuyền hơi 1</i>			
Tổng			14		

HỌC KỲ 3

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ENG206	Kỹ năng nghe tiếng Anh 3	2		
2	ENG205	Kỹ năng nói tiếng Anh 3	2		
3	ENG207	Kỹ năng đọc tiếng Anh 3	2		
4	ENG208	Kỹ năng viết tiếng Anh 3	2		
5	TEE0220	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	3		
6	ENG210	Nhập môn Khoa học - Công nghệ	2		
7	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
8	ENG209	Tiếng Trung Quốc 1	3		
9		<i>Học phần tự chọn (chọn 1 học phần)</i>	2		
9.1	PED101	<i>Logic học</i>	2		
9.2	PED322	<i>Tâm lý học đại cương</i>	2		
10	Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 2 HP)				
	B103BC1	<i>Bóng chuyền 1</i>			
	B103CL1	<i>Cầu lông 1</i>			
	B103BD1	<i>Bóng đá 1</i>			
	B103BR1	<i>Bóng rổ 1</i>			
	B103BK1	<i>Pickleball 1</i>			
	B103BH1	<i>Bóng chuyền hơi 1</i>			
Tổng			20		

HỌC KỲ 4

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ENG212	Kỹ năng nghe tiếng Anh 4	2		
2	ENG211	Kỹ năng nói tiếng Anh 4	2		
3	ENG213	Kỹ năng đọc tiếng Anh 4	2		
4	ENG214	Kỹ năng viết tiếng Anh 4	2		
5	ENG215	Tiếng Trung Quốc 2	3		
6	BAS217	Lịch sử Đảng CS VN	2		
7	PED110	Dẫn luận ngôn ngữ học	2		
8	PED205	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
9	ENG313	Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh	2		
Tổng			19		

HỌC KỲ 5

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ENG307	Tiếng Anh Kỹ thuật Điện - Điện tử	3		
2	ENG314	Tiếng Anh Công nghệ Thông tin - Truyền thông	2		
3	ENG304	Lý thuyết dịch	2		
4	ENG309	Từ vựng học	2		
5	ENG216	Ngữ âm và âm vị học	2		
6	ENG308	Tiếng Trung Quốc 3	2		
7	BAS110	Tư tưởng HCM	2		
8		<i>Học phần tự chọn (chọn 1 học phần)</i>	4		
	ENG317	<i>Giao tiếp kỹ thuật</i>	2		
	ENG107	<i>Nhập môn Khoa học tự nhiên</i>	2		
Tổng			19		

HỌC KỲ 6

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ENG404	Tiếng Anh Kỹ thuật Cơ khí - Động lực	3		
2	ENG405	Tiếng Anh Kỹ thuật Xây dựng - Môi trường	3		
3	ENG319	Biên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ	2		
4	ENG320	Phiên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ	2		
5	ENG318	Tiếng Trung Quốc 4	2		
6	<i>Học phần tự chọn (chọn 1 học phần)</i>		2		
6.1	ENG315	<i>Văn hóa xã hội Anh - Mỹ</i>	2		
6.2	ENG316	<i>Văn học Anh - Mỹ</i>	2		
Tổng			14		

HỌC KỲ 7

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ENG406	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	4		
2	ENG326	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao	3		
3	<i>Tự chọn chuyên ngành (chọn 4 trong 6 học phần theo tổ hợp Biên-Phiên dịch)</i>		8		
3.1	ENG321	<i>Biên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin</i>	2		
3.2	ENG322	<i>Phiên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin</i>	2		

3.3	ENG411	<i>Biên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử</i>	2		
3.4	ENG412	<i>Phiên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử</i>	2		
3.5	ENG413	<i>Biên dịch tiếng Anh Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường</i>	2		
3.6	ENG414	<i>Phiên dịch tiếng Anh Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường</i>	2		
Tổng			15		

HỌC KỲ 8

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ENG409	Thực tập tốt nghiệp	3		
2	ENG410	Khóa luận tốt nghiệp	5		
Tổng			8		

3.2. Phương án 2: 12 học kỳ/4 năm

HỌC KỲ 1

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ENG102	Kỹ năng nghe tiếng Anh 1	2		
2	ENG101	Kỹ năng nói tiếng Anh 1	2		
3	ENG104	Kỹ năng đọc tiếng Anh 1	2		
4	ENG0107	Luyện phát âm tiếng Anh	2		
5	ENG0106	Ngữ pháp tiếng Anh 1	2		
6	PED109	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2		
7	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc	(1)		
Tổng			12		

HỌC KỲ 2

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	BAS123	Triết học Mác - Lênin	3		
2	ENG108	Kỹ năng nghe tiếng Anh 2	2		
3	ENG107	Kỹ năng nói tiếng Anh 2	2		
4	ENG109	Kỹ năng đọc tiếng Anh 2	2		
5	ENG106	Kỹ năng viết tiếng Anh 1	2		
6	ENG0108	Ngữ pháp tiếng Anh 2	2		
7	BAS103	Giáo dục thể chất tự chọn 1	(1)		
Tổng			13		

HỌC KỲ 3

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	BAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
2	ENG110	Kỹ năng viết tiếng Anh 2	2		
3	FIM207	Pháp luật đại cương	2		
4	PED102	Tiếng việt thực hành	2		
Tổng			8		

HỌC KỲ 4

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ENG206	Kỹ năng nghe tiếng Anh 3	2		
2	ENG205	Kỹ năng nói tiếng Anh 3	2		
3	ENG207	Kỹ năng đọc tiếng Anh 3	2		
4	ENG208	Kỹ năng viết tiếng Anh 3	2		
5	TEE0220	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng	3		
6	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
7	BAS206	Giáo dục thể chất tự chọn 2	(1)		
Tổng			13		

HỌC KỲ 5

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ENG206	Kỹ năng nghe tiếng Anh 4	2		
2	ENG205	Kỹ năng nói tiếng Anh 4	2		
3	ENG207	Kỹ năng đọc tiếng Anh 4	2		
4	ENG208	Kỹ năng viết tiếng Anh 4	2		
5	BAS217	Lịch sử Đảng CS VN	2		
6	ENG209	Tiếng Trung Quốc 1	3		
		Tổng	13		

HỌC KỲ 6

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ENG210	Nhập môn Khoa học - Công nghệ	2		
2	ENG215	Tiếng Trung Quốc 2	3		
3	PED110	Dẫn luận ngôn ngữ học	2		
4	PED205	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		
5	ENG313	Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh	2		
6	<i>Học phần tự chọn (chọn 1 học phần)</i>		2		

	<i>PED101</i>	<i>Logic học</i>	2		
	<i>PED322</i>	<i>Tâm lý học đại cương</i>	2		
		Tổng	13		

HỌC KỲ 7

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ENG314	Tiếng Anh Công nghệ Thông tin - Truyền thông	2		
2	ENG309	Từ vựng học	2		
3	ENG308	Tiếng Trung Quốc 3	2		
4	BAS110	Tư tưởng HCM	2		
5	<i>Học phần tự chọn (chọn 1 học phần)</i>		4		
5.1	<i>ENG317</i>	<i>Giao tiếp kỹ thuật</i>	2		
5.2	<i>ENG107</i>	<i>Nhập môn Khoa học tự nhiên</i>	2		
		Tổng	12		

HỌC KỲ 8

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ENG307	Tiếng Anh Kỹ thuật Điện - Điện tử	3		
2	ENG404	Tiếng Anh Kỹ thuật Cơ khí - Động lực	3		
3	ENG304	Lý thuyết dịch	2		
4	ENG216	Ngữ âm và âm vị học	2		
5	ENG308	Tiếng Trung Quốc 4	2		
		Tổng	12		

HỌC KỲ 9

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ENG405	Tiếng Anh kỹ thuật Xây dựng - Môi trường	3		
2	ENG319	Biên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ	2		
3	ENG320	Phiên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ	2		
4	<i>Học phần tự chọn (chọn 1 học phần)</i>		2		
4.1	<i>NG315</i>	<i>Văn hóa xã hội Anh - Mỹ</i>	2		
4.2	<i>NG316</i>	<i>Văn học Anh - Mỹ</i>	2		
		Tổng	9		

HỌC KỲ 10

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
	<i>Tự chọn chuyên ngành (chọn 4 trong 6 học phần)</i>		8		

	theo tổ hợp Biên-Phiên dịch)				
1	ENG321	<i>Biên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin</i>	2		
2	ENG322	<i>Phiên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin</i>	2		
3	ENG411	<i>Biên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử</i>	2		
4	ENG412	<i>Phiên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử</i>	2		
5	ENG413	<i>Biên dịch tiếng Anh Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường</i>	2		
6	ENG414	<i>Phiên dịch tiếng Anh Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường</i>	2		
Tổng			8		

HỌC KỲ 11

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ENG406	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	4		
2	ENG326	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao	3		
Tổng			7		

HỌC KỲ 12

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ENG409	Thực tập tốt nghiệp	3		
2	ENG410	Khóa luận tốt nghiệp	5		
<i>Các học phần tương đương khóa luận tốt nghiệp</i>					
2.1	ENG420	<i>Phiên dịch tiếng Anh nâng cao</i>	3		
2.2	ENG421	<i>Tiếng Anh khoa học công nghệ trong thời đại 4.0</i>	3		
2.3	ENG424	<i>Biên dịch Tiếng Anh nâng cao</i>	2		
2.4	ENG425	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch thuật</i>	2		
2.5	ENG422	<i>Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh</i>	3		
2.6	ENG426	<i>Giao tiếp liên văn hóa</i>	2		
2.7	ENG423	<i>Lý thuyết về giảng dạy tiếng Anh</i>	3		
2.8	ENG427	<i>Ứng dụng Công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Anh</i>	2		
Tổng			8		

VIII. MA TRẬN KIẾN THỨC KỸ NĂNG

Phương án 1: 8 học kỳ - 4 năm

Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																	
		1			2						3			4					
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
HỌC KỲ 1																			
BAS123	Triết học Mác - Lênin	3				3							2						
ENG102	Kỹ năng nghe tiếng Anh 1		3		3			4			3	3							
ENG101	Kỹ năng nói tiếng Anh 1		3					3			3	3							
ENG104	Kỹ năng đọc tiếng Anh 1		3					3			3	3							
ENG106	Kỹ năng viết tiếng Anh 1		3					3			3	3							
	Luyện phát âm tiếng Anh		3					3			3	3							
	Ngữ pháp tiếng Anh 1		3					3			3	3							
PED109	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3				3					3	3							
PED102	Tiếng Việt thực hành	3				3					3	3							
BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc	2			2						2								
HỌC KỲ 2																			
BAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2				2							2						
ENG108	Kỹ năng nghe tiếng Anh 2		3		3			3				3	3						
ENG107	Kỹ năng nói tiếng Anh 2		3					3				3	3						
ENG109	Kỹ năng đọc tiếng Anh 2		3					3				3	3						
ENG110	Kỹ năng viết tiếng Anh 2		3					3				3	3						
	Ngữ pháp tiếng Anh 2		3									3	3						
	Pháp luật đại cương	2			3			3	3										
BAS103	Giáo dục thể chất tự chọn 1	2			2							2							

Mã HP		TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
				1				2				3				4			
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4
HỌC KỲ 3																			
ENG206	Kỹ năng nghe tiếng Anh 3		4		4				4				4	4					
ENG205	Kỹ năng nói tiếng Anh 3		3						3				4	4					
ENG207	Kỹ năng đọc tiếng Anh 3		4						4				4	4					
ENG208	Kỹ năng viết tiếng Anh 3		4						4				4	4					
TEE0220	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng																		
ENG210	Nhập môn Khoa học - Công nghệ	3				4	3								3				
BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				2									2				
ENG209	Tiếng Trung Quốc 1	2													2				
	Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)																		
PED101	Logic học	2			3			3								3	3		
PED322	Tâm lý học đại cương	3								3			3						3
BAS206	Giáo dục thể chất tự chọn 2	2			2									2					
HỌC KỲ 4																			
ENG212	Kỹ năng nghe tiếng Anh 4		4		4				4					4	4				
ENG211	Kỹ năng nói tiếng Anh 4		4		4		4		4					4	4				
ENG213	Kỹ năng đọc tiếng Anh 4		4						4					4	4				
ENG214	Kỹ năng viết tiếng Anh 4		4						4					4	4				
ENG215	Tiếng Trung Quốc 2	2														2			
BAS217	Lịch sử Đảng CS VN	2				2										2			
PED110	Dẫn luận ngôn ngữ học	3			3	4	4								4				

Mã HP		TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																
				1				2				3				4				
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5
		4			4	4	4	4				4								
ENG405	Phương pháp nghiên cứu khoa học Tiếng Anh Kỹ thuật Xây dựng - Môi trường			4				3							4				4	
HỌC KỲ 5																				
ENG307	Tiếng Anh Kỹ thuật Điện - Điện tử			4				4				4	4					4		
ENG314	Tiếng Anh Công nghệ thông tin và truyền thông			4				4				4	4					4		
ENG304	Lý thuyết dịch			4				4				4			4					
ENG309	Từ vựng học		4					4				4	4							
ENG216	Ngữ âm và âm vị học		4					4				5	4							
ENG308	Tiếng Trung Quốc 3	3										3	3	3						
BAS110	Tư tưởng HCM		2			2								2						
	Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)																			
ENG317	Giao tiếp kỹ thuật	3						3	2			3	3		2					
ENG107	Nhập môn Khoa học tự nhiên	2			2							2			2					
HỌC KỲ 6																				
ENG404	Tiếng Anh Kỹ thuật Cơ khí - Động lực			4				4				4	4					4		
ENG313	Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh			5				5				5	5					4		
	Biên dịch Khoa học - Công nghệ			4				4	4			4	4		4					
	Phiên dịch Khoa học - Công nghệ			4				4	4			4	4		4			4		
ENG318	Tiếng Trung Quốc 4	3										4	3	3						

Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																	
		1			2						3			4					
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
	Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)																		
ENG315	Văn hóa xã hội Anh - Mỹ		4				4			5	4								
ENG316	Văn học Anh - Mỹ		3				4			4	4			5					
HỌC KỲ 7																			
ENG406	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh			3						5	4						4		
MÔN MỚI	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao		3		4		4			5									4
	Tự chọn chuyên ngành (chọn 4 trong 6 học phần theo tổ hợp Biên-Phiên dịch)																		
MÔN MỚI	Biên dịch Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin			4				4	4						4				
MÔN MỚI	Phiên dịch Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin			4				4	4						4				
MÔN MỚI	Biên dịch Tiếng Anh Điện - Điện tử			4				4	4						4				
MÔN MỚI	Phiên dịch Tiếng Anh Điện - Điện tử			4				4	4						4				
MÔN MỚI	Biên dịch Tiếng Anh Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường			4				4	4						4				
MÔN MỚI	Phiên dịch Tiếng Anh Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường			4				4	4						4				
HỌC KỲ 8																			

Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																	
		1			2						3			4					
ENG409	Thực tập tốt nghiệp	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
ENG410	Khóa luận tốt nghiệp			5				4			5	5		5	5				
				5	5	5		5				5					5		

Phương án 2: 12 học kỳ - 4 năm

Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																	
		1			2						3			4					
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
		HỌC KỲ 1																	
ENG102	Kỹ năng nghe tiếng Anh 1		3		3			4				3	3						
ENG101	Kỹ năng nói tiếng Anh 1		3					3				3	3						
ENG104	Kỹ năng đọc tiếng Anh 1		3					3				3	3						
	Luyện phát âm tiếng Anh		3					3				3	3						
	Ngữ pháp tiếng Anh 1		3					3				3	3						
PED109	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3				3						3	3						
BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc	2			2							2							

HỌC KỲ 2

BAS123	Triết học Mác - Lênin	3				3							2						
ENG108	Kỹ năng nghe tiếng Anh 2		3		3			3			3	3							
ENG107	Kỹ năng nói tiếng Anh 2		3					3			3	3							
ENG109	Kỹ năng đọc tiếng Anh 2		3					3			3	3							
ENG106	Kỹ năng viết tiếng Anh 1		3					3			3	3							
	Ngữ pháp tiếng Anh 2		3					4			3	3							

Mã HP		TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																	
				1				2				3				4					
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
				2			2						2								
BAS103	Giáo dục thể chất tự chọn 1			2			2														
HỌC KỲ 3																					
BAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lênin			2			2							2							
ENG110	Kỹ năng viết tiếng Anh 2			2	3				3				3	3							
PED102	Tiếng Việt thực hành			3				3					3	3							
FIM207	Pháp luật đại cương			2			3			3	3										
HỌC KỲ 4																					
ENG206	Kỹ năng nghe tiếng Anh 3				4		4			4				4	4						
ENG205	Kỹ năng nói tiếng Anh 3				3				3					4	4						
ENG207	Kỹ năng đọc tiếng Anh 3				4					4				4	4						
ENG208	Kỹ năng viết tiếng Anh 3				4					4				4	4						
TEE0220	Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng																				
BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học			2				2								2					
BAS206	Giáo dục thể chất tự chọn 2			2			2							2							
HỌC KỲ 5																					
ENG212	Kỹ năng nghe tiếng Anh 4				4		4				4			4	4						
ENG211	Kỹ năng nói tiếng Anh 4				4		4			4				4	4						
ENG213	Kỹ năng đọc tiếng Anh 4				4						4			4	4						
ENG214	Kỹ năng viết tiếng Anh 4				4						4			4	4						
ENG209	Tiếng Trung Quốc 1			2												2					
BAS217	Lịch sử Đảng CS VN			2				2								2					

Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																	
		1			2			3			4								
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
HỌC KỲ 6																			
ENG215	Tiếng Trung Quốc 2	2											2						
PED110	Dẫn luận ngôn ngữ học	3			3	4	4				4								
	Phương pháp nghiên cứu khoa học		4		4	4	4	4											
ENG210	Nhập môn Khoa học - Công nghệ	3				4	3							3					
ENG313	Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh			5				5		5	5				4				
	Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)																		
PED101	Logic học	2			3			3							3	3			
PED322	Tâm lý học đại cương	3							3			3							3
HỌC KỲ 7																			
ENG314	Tiếng Anh Công nghệ Thông tin Truyền thông			4				4				4	4			4			
ENG309	Từ vựng học		4					4				4	4						
ENG308	Tiếng Trung Quốc 3	3										3	3	3					
BAS110	Tư tưởng HCM		2			2								2					
	Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)																		
ENG317	Giao tiếp kỹ thuật	3									3	2			3	3		2	
ENG107	Nhập môn Khoa học tự nhiên	2			2								2						
HỌC KỲ 8																			
ENG307	Tiếng Anh Kỹ thuật Điện - Điện tử			4				4				4	4			4			

Mã HP		TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																	
				1				2				3				4					
				1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
ENG404	Tiếng Anh Kỹ thuật Cơ khí - Động lực				4				4				4	4				4			
ENG304	Lý thuyết dịch				4				4				4					4			
ENG216	Ngữ âm và âm vị học			4					4				5	4							
ENG318	Tiếng Trung Quốc 4		3										3	3	3						
HỌC KỲ 9																					
ENG405	Tiếng Anh Kỹ thuật Xây dựng - Môi trường				4				3				4	4				4			
	Biên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ				4				4	4			4	4				4			
	Phiên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ				4				4	4			4	4				4			
	Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)																				
ENG315	Văn hóa xã hội Anh - Mỹ			4					4				5	4							
ENG316	Văn học Anh - Mỹ			3					4				4	4				5			
HỌC KỲ 10																					
	Tự chọn chuyên ngành (chọn 4 trong 6 học phần theo tổ hợp Biên-Phiên dịch)																				
MÔN MỚI	Biên dịch tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin				4				4	4								4			
MÔN MỚI	Phiên dịch tiếng Anh Kinh tế -				4				4	4								4			

Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																	
		1			2						3			4					
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
MÔI	Kinh doanh - Công nghệ thông tin																		
MÔN	Biên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử			4				4	4					4					
MÔI																			
MÔN	Phiên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử			4				4	4					4					
MÔI																			
MÔN	Biên dịch tiếng Anh Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường			4				4	4					4					
MÔI																			
MÔN	Phiên dịch tiếng Anh Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường			4				4	4					4					
MÔI																			
HỌC KỲ 11																			
ENG406	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh			3				5					5	4			4		
MÔN	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao		3		4		4						5						4
MÔI																			
HỌC KỲ 12																			
ENG409	Thực tập tốt nghiệp			5				4					5	5	5				
ENG410	Khóa luận tốt nghiệp			5	5	5		5					5				5		

PHẦN II. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

1. Triết học Mác – Lênin (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc trong hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo. Nội dung của môn học bao gồm 03 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6, trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, bao gồm các vấn đề như: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết

những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc khối giáo dục đại cương được xây dựng trong chương trình đào tạo sinh viên bậc đại học không chuyên lý luận chính trị. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Là học phần bắt buộc được giảng dạy trong chương trình đào tạo cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

6. Pháp luật đại cương (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương, bao gồm các nội dung: khái quát chung về nhà nước; khái quát chung về pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam; luật Hiến pháp Việt Nam; luật hành chính Việt Nam; luật dân sự Việt Nam; luật hình sự Việt Nam; luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; luật phòng, chống tham nhũng. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá và định hướng hành vi xử sự của bản thân và những người xung quanh theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

7. Tin học và trí tuệ nhân tạo ứng dụng (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về năng lực số, trí tuệ nhân tạo ứng dụng và lập trình C++. Nội dung bao gồm: Năng lực số trong học tập và làm việc; trí tuệ nhân tạo ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp; các khái niệm cơ bản của lập trình C++: biểu diễn và xây dựng thuật toán, khai báo và sử dụng dữ liệu, nhập xuất, các cấu trúc điều khiển, hàm và mảng. Học phần giúp sinh viên có thể ứng dụng công cụ số, AI và lập trình C++ để giải quyết những bài toán cơ bản trong kỹ thuật và kinh tế, đồng thời rèn luyện kỹ năng học tập – làm việc số, tuân thủ đạo đức và sử dụng AI có trách nhiệm.,...

8. Dẫn luận ngôn ngữ học (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Dẫn luận ngôn ngữ là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần trang bị các kiến thức về: nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, bản chất, chức năng của ngôn ngữ, cơ sở ngôn ngữ học và các ngôn ngữ trên thế giới.

9. Cơ sở văn hóa Việt Nam (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Cơ sở Văn hóa Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo Cử nhân ngôn ngữ Anh. Học phần bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Các khái niệm cơ bản về văn hóa, tiến trình

lịch sử văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên; ứng phó với môi trường xã hội; văn hóa dân tộc trong hội nhập quốc tế.

10. Tiếng Việt thực hành (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Việt thực hành là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần trang bị các kiến thức: khái quát về tiếng Việt; dùng từ trong văn bản; thực hành viết câu trong văn bản; thực hành tạo lập đoạn và văn bản.

11. Nhập môn Khoa học - Công nghệ (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Nhập môn khoa học công nghệ, thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp những khái niệm, kiến thức cơ bản, các phương pháp nghiên cứu trong các ngành khoa học và công nghệ, cơ sở kỹ thuật cơ khí, quy trình thiết kế, chế tạo và lắp ráp cơ khí, các khái niệm và các định luật cơ bản sử dụng cho các mạch điện và các loại máy điện, các kiến thức cơ bản về sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng, các loại linh kiện và mạch điện tử cơ bản, lý thuyết chung về các hệ thống điều khiển tự động.

12. Tiếng Trung Quốc 1 (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Trung Quốc 1, thuộc Khối kiến thức giáo dục đại cương, trang bị cho người học các kiến thức cơ bản như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán; hình thành kỹ năng giao tiếp thông thường với người Trung Quốc, ngôn ngữ, chữ viết, văn hóa và con người đất nước Trung Quốc. Ngoài ra, học phần còn giúp người học rèn luyện kỹ năng tự học, tính kiên trì và kỹ năng giao tiếp Tiếng Trung Quốc ở cấp độ đầu của trình độ A2.

13. Tiếng Trung Quốc 2 (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Trung Quốc 2, thuộc khối kiến thức đại cương, là học phần kế tiếp của Tiếng Trung Quốc 1, tiếp tục cung cấp cho sinh viên những hiện tượng ngữ pháp căn bản trong tiếng Trung Quốc, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hội thoại, đọc được những bài văn thông thường. Ngoài ra, học phần còn giúp người học rèn luyện kỹ năng tự học, tính kiên trì và kỹ năng giao tiếp Tiếng Trung Quốc ở trình độ A2.

14. Tiếng Trung Quốc 3 (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Trung Quốc 3, thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học những kiến thức về kết cấu ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, bồi dưỡng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, nâng cao năng lực sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp của sinh viên thông qua những bài hội thoại về chủ

đề chỉ dẫn đường; biểu đạt khả năng, nguyện vọng; học tập, sở thích; tham gia các cuộc thi. Ngoài ra, học phần còn giúp người học rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung tương ứng với cấp độ đầu của trình độ B1.

15. Tiếng Trung Quốc 4 (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Trung Quốc 4, thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho người học những kiến thức về kết cấu ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng, bồi dưỡng các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, nâng cao năng lực sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp của sinh viên thông qua những bài hội thoại về chủ đề học tập, giáo dục, bệnh tật, nơi ở, thói quen trong sinh hoạt.... Ngoài ra, học phần còn giúp người học rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung tương ứng với trình độ B1.

16. Giáo dục thể chất bắt buộc (Số tín chỉ: 1 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Giáo dục thể chất bắt buộc là học phần bắt buộc. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ thuật động tác cơ bản trong môn Thể dục và Điền kinh (chạy 100m). Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh; đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

17. Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 2 học phần trong 4 học phần)

17.1. Giáo dục thể chất tự chọn cơ bản (Số tín chỉ: 1 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 15/0/30*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng chuyền 1) là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;.... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

17.2. Giáo dục thể chất tự chọn (Số tín chỉ: 1 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 15/0/30*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Bóng đá 1 là học phần tự chọn. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ thuật động tác cơ bản trong môn Bóng đá. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh; đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

17.3. Giáo dục thể chất tự chọn (Số tín chỉ: 1 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 15/0/30*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng rổ 1) là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất

thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh; đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

17.4. Giáo dục thể chất tự chọn (Số tín chỉ: 1 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 15/0/30*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giáo dục thể chất tự chọn (Cầu lông 1) là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh; đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

18. Giáo dục QP-AN (Số tín chỉ: TC)

19. Học phần tự chọn đại cương (Chọn 3 học phần)

19.1 Logic học (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Logic học là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đối với sinh viên kỹ thuật. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về tư duy và các quy luật của tư duy; các hình thức tư duy (khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và bác bỏ) để rèn luyện, hình thành và phát triển năng lực tư duy logic, khả năng nhận biết và tránh các sai lầm logic, phục vụ trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học trong trường đại học cũng như trong quá trình sống và hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường.

19.2 Tâm lý học đại cương (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tâm lý học đại cương là một học phần thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo ngành Cử nhân ngôn ngữ Anh. Học phần Tâm lý học đại cương bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Những vấn đề chung về tâm lý học, hoạt động nhận thức và sự học, nhân cách – sự hình thành và phát triển nhân cách, sự sai lệch hành vi cá nhân và hành vi xã hội.

19.3 Nhập môn Khoa học tự nhiên (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Nhập môn Khoa học tự nhiên giới thiệu về đối tượng nghiên cứu, mục đích và ý nghĩa của môn học. Nội dung chính của học phần gồm: quy luật chuyển động của chất điểm trong môi trường cơ học vật rắn, các định luật cơ bản của nhiệt động lực học, cấu tạo điện của vật chất: Điện tích, dòng điện, từ trường, quang hình và Quang sóng. Ngoài ra, học phần còn giúp người học có cơ hội được thực hành học và vận dụng các thuật ngữ về khoa học tự nhiên trong giao tiếp.

19.4 Giao tiếp kỹ thuật (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Giao tiếp kỹ thuật, thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng giao tiếp dùng trong học tập và làm việc trong môi trường kỹ thuật. Các nội dung chính bao gồm: kỹ năng làm việc nhóm,

kỹ năng nghe và ghi chép, kỹ năng đọc tài liệu kỹ thuật, kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng phỏng vấn, xin việc; Kỹ năng tham gia các hoạt động tập thể, kỹ thuật viết văn bản, cách viết một số dạng tài liệu thông dụng: thư trao đổi công việc, email, CV, bản ghi nhớ; Cách viết báo cáo khoa học, đề xuất, đề cương, đề án, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật.

20. Kỹ năng nghe tiếng Anh 1 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng nghe tiếng Anh 1, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nhằm trang bị và rèn luyện cho người học các kỹ năng nghe như nghe hiểu từ khóa, nghe nội dung chính, nghe thông tin chi tiết giúp người học đạt được năng lực nghe ở cấp độ đầu của trình độ A2. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, ngữ âm và ngữ pháp cơ bản nhằm hỗ trợ người học nghe hiệu quả hơn.

21. Kỹ năng nghe tiếng Anh 2 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng nghe tiếng Anh 2, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nhằm trang bị và rèn luyện cho người học các kỹ năng nghe như nghe hiểu từ khóa, nghe nội dung chính, nghe thông tin chi tiết giúp người học đạt được năng lực nghe ở trình độ A2. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, ngữ âm và ngữ pháp cơ bản nhằm hỗ trợ người học nghe hiệu quả hơn.

22. Kỹ năng nghe tiếng Anh 3 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng nghe tiếng Anh 3, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp và rèn luyện cho người học các kỹ thuật nghe như nghe ý chính, nghe hiểu nguyên nhân, kết quả, nghe dự đoán, nghe lý do và giải thích, nghe thông tin chi tiết. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về từ vựng, phát âm, kiến thức cơ bản về đất nước, văn hóa, con người, xã hội của các nước nói tiếng Anh nhằm hỗ trợ người học nghe hiệu quả hơn.

23. Kỹ năng nghe tiếng Anh 4 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng nghe tiếng Anh 4, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp và rèn luyện cho người học các kỹ thuật nghe như nghe và viết lại ý chính nhằm tóm tắt nội dung bài giảng, xác định nguyên nhân-kết quả, phân biệt lợi ích và bất lợi của các sự việc, vấn đề, và nghe và suy luận... Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về từ vựng nhằm hỗ trợ người học nghe hiệu quả hơn.

24. Kỹ năng nói tiếng Anh 1 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng nói tiếng Anh 1, thuộc khối kiến thức Cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm ...) và các chiến thuật nói cơ bản nhằm giúp người học bước đầu hình

thành khả năng giao tiếp bằng khẩu ngữ ở cấp độ đầu của trình độ A2. Ngoài ra, học phần giúp người học hình thành các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình và sử dụng công nghệ thông tin trong học tập.

25. Kỹ năng nói tiếng Anh 2 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng nói tiếng Anh 2, thuộc khối kiến thức Cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm ...) và các chiến thuật nói cơ bản nhằm giúp người học bước đầu hình thành khả năng giao tiếp bằng khẩu ngữ ở trình độ A2. Ngoài ra, học phần giúp người học hình thành các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình và sử dụng công nghệ thông tin trong học tập.

26. Kỹ năng nói tiếng Anh 3 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng nói tiếng Anh 3, thuộc khối kiến thức Cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm ...) và các chiến thuật nói cơ bản nhằm giúp người học bước đầu hình thành khả năng giao tiếp bằng khẩu ngữ ở trình độ B1. Ngoài ra, học phần giúp người học hình thành các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình và sử dụng công nghệ thông tin trong học tập.

27. Kỹ năng nói tiếng Anh 4 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng nói tiếng Anh 4, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, phát âm) liên quan đến các chủ đề thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau và các chiến thuật nói giúp người học đạt được năng lực giao tiếp ở trình độ B2. Ngoài ra, học phần còn giúp người học rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, hội thoại, thảo luận nhóm, lãnh đạo và quản lý nhóm, phỏng vấn và khảo sát.

28. Kỹ năng đọc tiếng Anh 1 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng đọc tiếng Anh 1 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bao gồm những nội dung kiến thức về các kỹ năng đọc, các bài tập được thiết kế nhằm đạt được những kỹ năng đọc cơ bản như đọc tìm thông tin chi tiết, đọc tìm ý chính, suy luận, đọc tìm mục đích viết bài của tác giả ... và từ vựng về các chủ đề xã hội như du lịch và khám phá, giải trí, thời trang, giáo dục, ... Ngoài ra, sinh viên được làm việc trong các nhóm và thuyết trình các vấn đề hiệu quả.

29. Kỹ năng đọc tiếng Anh 2 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng đọc tiếng Anh 2 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bao gồm những nội dung kiến thức về các kỹ năng đọc, các bài tập

được thiết kế nhằm đạt được những kỹ năng đọc ở cấp độ đầu ở trình độ B1 như đọc tìm thông tin chi tiết, đọc tìm ý chính, suy luận, sử dụng tiêu đề phụ để dự đoán nội dung bài văn, nhận biết từ nối... và từ vựng về các chủ đề xã hội như thực phẩm, các phát minh, du học, quản lý tài chính cá nhân,... Ngoài ra, sinh viên được làm việc trong các nhóm và thuyết trình các vấn đề hiệu quả.

30. Kỹ năng đọc tiếng Anh 3 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng đọc tiếng Anh 3 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bao gồm những nội dung kiến thức về các kỹ năng đọc, các bài tập được thiết kế nhằm đạt được những kỹ năng đọc ở trình độ B1 như đọc tìm thông tin chi tiết, đọc tìm ý chính, suy luận, sử dụng tiêu đề để tìm nội dung chính, nhận biết trình tự các sự kiện, đoán nghĩa từ ... và từ vựng về các chủ đề xã hội như du lịch nước ngoài, điện ảnh, thể thao, Ngoài ra, sinh viên được làm việc trong các nhóm và thuyết trình các vấn đề hiệu quả.

31. Kỹ năng đọc tiếng Anh 4 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng đọc tiếng Anh 4, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nội dung kiến thức về các kỹ năng đọc như đọc tìm thông tin chi tiết, đọc tìm ý chính, đoán ý, nhận diện các ý chính và các ý hỗ trợ, suy luận, nhận biết trình tự các sự kiện, đoán nghĩa từ ... và từ vựng về các chủ đề xã hội. Ngoài ra, sinh viên được làm việc trong các nhóm và thuyết trình các vấn đề hiệu quả.

32. Kỹ năng viết tiếng Anh 1 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng viết tiếng Anh 1, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về các loại mệnh đề, câu, cấu trúc của đoạn văn Tiếng Anh, kỹ năng viết mệnh đề và câu ở trình độ A2. Ngoài ra, sinh viên được làm việc trong các nhóm và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giao tiếp.

33. Kỹ năng viết tiếng Anh 2 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng viết tiếng Anh 2, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về các khái niệm cơ bản về đoạn văn và bài luận, các vấn đề về đoạn văn, cấu trúc bài luận tiếng Anh. Ngoài ra, sinh viên được làm việc trong các nhóm và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giao tiếp.

34. Kỹ năng viết tiếng Anh 3 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng viết Tiếng Anh 3, thuộc khối kiến thức Cơ sở ngành, củng cố cho người học các kiến thức cơ bản về đoạn văn, các loại đoạn văn, và cung cấp các khái niệm và định nghĩa cơ bản về dạng bài luận khác nhau như: bài luận thể hiện quan điểm, nguyên nhân và hệ quả, so sánh, giải quyết vấn

đề..., và các kỹ năng viết một bài luận ngắn một cách rõ ràng, nhất quán. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

35. Kỹ năng viết tiếng Anh 4 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ năng viết Tiếng Anh 4, thuộc khối kiến thức Cơ sở ngành, cung cấp cho người học các khái niệm và định nghĩa cơ bản về dạng bài luận khác nhau như: bài luận thể hiện quan điểm, nguyên nhân và hệ quả, so sánh, giải quyết vấn đề, ... cách sắp xếp tổ chức nội dung bài luận một cách rõ ràng, nhất quán. Ngoài ra, người học được rèn luyện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

36. Luyện phát âm tiếng Anh (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Luyện phát âm tiếng Anh, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về phát âm trong tiếng Anh như các khái niệm về âm, âm tiết, từ, ngữ điệu, nối âm... giúp người học cải thiện năng lực phát âm, hỗ trợ cải thiện kỹ năng nghe và nói tiếng Anh. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, và làm việc cặp nhóm.

37. Ngữ pháp tiếng Anh 1 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Ngữ pháp Tiếng Anh 1, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp ở trình độ A2, giúp người học xây dựng được các cấu trúc câu đúng, đủ để người học có thể tự tin sử dụng Tiếng Anh giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày, cũng như phục vụ mục đích học tập, làm việc. Ngoài ra, người học còn được thực hành làm việc độc lập, theo nhóm và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giao tiếp.

38. Ngữ pháp tiếng Anh 2 (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Ngữ pháp Tiếng Anh 2, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp ở trình độ B1, giúp người học xây dựng được các cấu trúc câu đúng, đủ để người học có thể tự tin sử dụng Tiếng Anh giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày, cũng như phục vụ mục đích học tập, làm việc. Ngoài ra, người học còn được thực hành làm việc độc lập, theo nhóm và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giao tiếp.

39. Ngữ pháp Tiếng Anh nâng cao (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Ngữ pháp Tiếng Anh nâng cao, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp các kiến thức về cấu trúc cú pháp của cụm từ, các loại mệnh đề, câu đơn, câu phức, câu ghép và mệnh đề phụ. Ngoài ra, học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phân tích các thành tố của ngôn ngữ, kỹ năng làm việc theo nhóm hiệu quả, và tăng cường việc ham tìm hiểu và học tập suốt đời.

40. Ngữ âm và âm vị học (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Ngữ âm và Âm vị học, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về ngữ âm học cấu âm, nguyên âm và phụ âm, cấu trúc âm tiết, các hiện tượng ngữ âm trong tiếng Anh, các nguyên tắc cơ bản của âm vị học và âm vị học siêu đoạn tính, các cấu trúc ngữ điệu và trọng âm. Ngoài ra, sinh viên được làm việc trong các nhóm và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, giao tiếp.

41. Từ vựng học (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Từ vựng học, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về hệ thống từ vựng tiếng Anh nhằm giúp người học cải thiện năng lực sử dụng từ vựng tiếng Anh trong giao tiếp. Ngoài ra, học phần này rèn luyện cho người học kỹ năng tự tìm hiểu và học tập suốt đời. Bên cạnh đó, người học được làm việc trong các nhóm và thuyết trình.

42. Văn hóa xã hội Anh – Mỹ (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Văn hóa xã hội Anh-Mỹ, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học những kiến thức về đất nước, con người Anh – Mỹ, bao gồm: địa lý, lịch sử, hệ thống chính trị, giáo dục, gia đình, phong tục, lễ hội và các dịp đặc biệt. Ngoài ra, học phần này cũng rèn luyện cho người học tư duy so sánh đối chiếu giữa các nền văn hoá. Bên cạnh đó, sinh viên được làm việc trong các nhóm, thảo luận và thuyết trình bằng Tiếng Anh.

43. Văn học Anh-Mỹ (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Văn học Anh - Mỹ, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và văn học gồm 6 truyện ngắn và 1 truyện trích từ tác phẩm kinh điển của 7 nhà văn Anh và Mỹ. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện tư duy suy xét các vấn đề trong các tác phẩm văn học, tham gia nhóm để thảo luận các chủ đề văn học và vận dụng được các bối cảnh lịch sử, văn hoá và các giá trị đương thời của nó vào hiện thực khách quan.

44. Phương pháp nghiên cứu khoa học (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Phương pháp Nghiên cứu Khoa học, thuộc khối kiến thức Cơ sở ngành, cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về các phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung, các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu và quy trình nghiên cứu. Từ đó, người học có thể xác định vấn đề, mục đích, đặt câu hỏi, lập kế hoạch nghiên cứu, tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.

45. Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh (Số tín chỉ: 4 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 60/0/120*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết và cơ hội thực hành kỹ thuật giảng dạy các khía cạnh ngôn ngữ và các kỹ năng ngôn ngữ. Ngoài ra, học phần này cũng trang bị cho người học kỹ năng đánh giá giáo án và một giờ giảng trên lớp. Bên cạnh đó sinh viên được làm việc trong các nhóm, được rèn luyện tư duy phản biện để bảo vệ quan điểm cá nhân.

46. Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức về ngôn ngữ và các khái niệm thuộc lĩnh vực kinh tế và kinh doanh nhằm giúp người học giao tiếp được bằng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh. Ngoài ra, học phần này rèn luyện cho người học tư duy suy xét vấn đề, viết email, báo cáo, tóm tắt và thuyết trình. Bên cạnh đó, người học được làm việc trong các nhóm và lên kế hoạch tiếp thị sản phẩm.

47. Tiếng Anh Công nghệ Thông tin - Truyền thông (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh Công nghệ Thông tin - Truyền thông, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và các thuật ngữ thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin và truyền thông. Học phần này giúp sinh viên giao tiếp được bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và truyền thông. Ngoài ra, học phần này rèn luyện cho sinh viên tư duy suy xét, tóm tắt và thuyết trình vấn đề và sinh viên được làm việc theo nhóm, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai.

48. Tiếng Anh Kỹ thuật Cơ khí - Động lực (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh Kỹ thuật Cơ khí - Động lực, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và các thuật ngữ thuộc lĩnh vực Cơ khí-Động lực. Học phần này giúp sinh viên giao tiếp được bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Cơ khí-Động lực. Ngoài ra, học phần này rèn luyện cho sinh viên tư duy suy xét, tóm tắt và thuyết trình vấn đề và sinh viên được làm việc theo nhóm, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai.

49. Tiếng Anh Kỹ thuật Xây dựng - Môi trường (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh kỹ thuật Xây dựng - Môi trường, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức về ngôn ngữ và các khái niệm thuộc lĩnh vực kỹ thuật xây dựng và môi trường nhằm giúp người học giao tiếp được bằng tiếng Anh trong lĩnh vực kỹ thuật xây dựng và môi trường. Ngoài ra, người học được rèn luyện tư duy suy xét vấn đề, viết báo cáo, mô tả và thuyết trình. Bên

cạnh đó, người học được làm việc trong các nhóm và rèn luyện kỹ năng làm việc trong môi trường có sử dụng tiếng Anh kỹ thuật.

50. Tiếng Anh Kỹ thuật Điện – Điện tử (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh Kỹ thuật Điện – Điện tử, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và các thuật ngữ thuộc lĩnh vực Điện – Điện tử. Học phần này giúp sinh viên giao tiếp được bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Điện – Điện tử. Ngoài ra, học phần này rèn luyện cho sinh viên tư duy suy xét, tóm tắt và thuyết trình vấn đề và sinh viên được làm việc theo nhóm, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai.

51. Lý thuyết dịch (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Lý thuyết dịch thuộc khối kiến thức chuyên ngành cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết liên quan tới biên dịch và phiên dịch tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại. Ngoài ra, học phần này còn rèn luyện cho người học tư duy suy xét vấn đề và thuyết trình một số nội dung dịch thuật. Bên cạnh đó, người học được làm việc trong các nhóm và lên kế hoạch thuyết trình các nội dung dịch thuật được giao.

52. Biên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Biên dịch tiếng Anh Khoa học – Công nghệ, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức ngôn ngữ về các chủ đề khác nhau liên quan tới Khoa học – Công nghệ dưới dạng các bài báo, các bản báo cáo, bài phỏng vấn bằng tiếng Anh và tiếng Việt để sinh viên thực hành dịch và phát triển các kỹ năng liên quan tới việc dịch thuật văn bản chuyên ngành.

53. Phiên dịch tiếng Anh Khoa học - Công nghệ (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Phiên dịch tiếng Anh Khoa học – Công nghệ, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức ngôn ngữ về các chủ đề khác nhau liên quan tới Khoa học – Công nghệ dưới dạng tin tức, các bản báo cáo, bài phỏng vấn bằng tiếng Anh và tiếng Việt để sinh viên thực hành dịch và phát triển các kỹ năng liên quan tới việc dịch thuật văn bản chuyên ngành.

54. Biên dịch Tiếng Anh Kinh tế, Kinh doanh - Công nghệ thông tin (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Biên dịch Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức ngôn ngữ liên quan đến lĩnh vực Kinh tế và kinh doanh, Công nghệ thông tin và truyền thông. Ngoài ra, trong học phần này sinh viên còn được rèn luyện tư duy sáng tạo, tư duy suy xét, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; rèn luyện khả năng áp dụng ngữ cảnh, các kiến thức văn hóa để nâng cao chất lượng bản dịch.

55. Phiên dịch Tiếng Anh Kinh tế, Kinh doanh - Công nghệ thông tin (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Phiên dịch Tiếng Anh Kinh tế - Kinh doanh - Công nghệ thông tin, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức ngôn ngữ liên quan đến lĩnh vực Kinh tế và kinh doanh, Công nghệ thông tin và truyền thông. Ngoài ra, học phần này còn rèn luyện tư duy sáng tạo, tư duy suy xét, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp cho sinh viên; rèn luyện khả năng áp dụng ngữ cảnh, các kiến thức văn hóa để nâng cao chất lượng bản dịch.

56. Biên dịch Tiếng Anh Điện - Điện tử (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Biên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức ngôn ngữ về chủ đề Điện - Điện tử dưới dạng các bài báo, các bản báo cáo, bài phỏng vấn bằng tiếng Anh và tiếng Việt để sinh viên thực hành dịch và phát triển các kỹ năng liên quan tới việc dịch thuật văn bản chuyên ngành Điện - Điện tử.

57. Phiên dịch Tiếng Anh Điện - Điện tử (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Phiên dịch tiếng Anh Điện - Điện tử, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp kiến thức ngôn ngữ về lĩnh vực Điện và Điện tử dưới dạng các bản tin, bài phát biểu bằng tiếng Anh và tiếng Việt để sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng liên quan tới việc phiên dịch các chủ đề thuộc chuyên ngành Điện - Điện tử.

58. Biên dịch Tiếng Anh Cơ khí, Động lực - Xây dựng, Môi trường (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Phiên dịch Tiếng Anh kỹ thuật Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường, thuộc khối kiến thức chuyên ngành giúp củng cố cho người học những kiến thức lý thuyết liên quan tới phiên dịch. Học phần này cũng giúp củng cố và cung cấp kiến thức ngôn ngữ liên quan đến lĩnh vực Cơ khí, Động lực, Xây dựng và Môi trường. Ngoài ra, học phần này còn rèn luyện tư duy sáng tạo, tư duy suy xét, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp cho sinh viên; rèn luyện khả năng áp dụng ngữ cảnh, các kiến thức văn hóa để nâng cao chất lượng phiên dịch.

59. Phiên dịch Tiếng Anh Cơ khí, Động lực - Xây dựng, Môi trường (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Biên dịch Tiếng Anh kỹ thuật Cơ khí - Động lực - Xây dựng - Môi trường, thuộc khối kiến thức chuyên ngành giúp củng cố cho người học những kiến thức lý thuyết liên quan tới biên dịch. Học phần này cũng giúp củng cố và cung cấp kiến thức ngôn ngữ liên quan đến lĩnh vực Cơ khí, Động lực, Xây dựng và Môi trường. Ngoài ra, học phần này còn rèn luyện tư duy sáng tạo, tư duy suy xét, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp cho sinh viên; rèn luyện khả năng áp dụng ngữ cảnh, các kiến thức văn hóa để nâng cao chất lượng bản dịch.

60. Thực tập tốt nghiệp (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/0/135

- *Điều kiện tiên quyết:* Hoàn thành 90% tổng các tín chỉ của CTDT

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực tập tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học kiến thức thực tế về cấu trúc tổ chức và các hoạt động liên quan đến giáo dục hoặc khoa học kỹ thuật công nghệ và các công việc trong thực tiễn trường học, doanh nghiệp, công ty, củng cố, bổ sung và hệ thống kiến thức chuyên ngành, khả năng làm việc trong môi trường thực tế, khả năng giải quyết vấn đề độc lập/nhóm, biết lập kế hoạch, quản lý thời gian và hoàn thành nhiệm vụ thực tập giảng dạy hoặc thực tập dịch.

61. Khóa luận tốt nghiệp (Số tín chỉ: 5 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/0/225

- *Điều kiện tiên quyết:* Hoàn thành học phần Thực tập tốt nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Khóa luận tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, giúp người học củng cố các kiến thức và kỹ năng làm nghiên cứu khoa học. Người học cần vận dụng các kiến thức và kỹ năng được học và rèn luyện từ các học phần trong chương trình đào tạo để hoàn thành viết thuyết minh và bảo vệ thành công đề tài nghiên cứu đã chọn.

Các học phần tương đương khóa luận tốt nghiệp

61.1. Phiên dịch Tiếng Anh nâng cao (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/0/225

- *Điều kiện tiên quyết:* Hoàn thành học phần Thực tập tốt nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Khóa học Phiên dịch Tiếng Anh nâng cao, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được thiết kế thay thế cho khóa luận tốt nghiệp. Học phần này giúp nâng cao kiến thức và kỹ năng phiên dịch của sinh viên lên trình độ chuyên nghiệp. Sinh viên được kỳ vọng sẽ phiên dịch những bài phát biểu có mức độ khó và phức tạp đáng kể bằng cách củng cố các kỹ thuật đã học trong các học kỳ trước. Khóa học tập trung vào việc đạt được mức độ phiên dịch đạt tiêu chuẩn chuyên nghiệp, đặc biệt chú trọng đến sắc thái và giọng điệu của bài phát biểu

61.2. Tiếng Anh Khoa học Công nghệ trong thời đại 4.0 (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/0/225

- *Điều kiện tiên quyết:* Hoàn thành học phần Thực tập tốt nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh Khoa học Công nghệ trong thời đại 4.0, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được thiết kế thay thế cho khóa luận tốt nghiệp. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức nâng cao về ngôn ngữ và các thuật ngữ thuộc các lĩnh vực khoa học công nghệ mới, giúp sinh viên giao tiếp được bằng tiếng Anh trong lĩnh vực khoa học công nghệ mới. Ngoài ra, học phần này rèn luyện cho sinh viên tư duy suy xét, tóm tắt và thuyết trình vấn đề và sinh viên được làm việc theo nhóm, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho nghề nghiệp trong tương lai.

61.3. Biên dịch Tiếng Anh nâng cao (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:*

- *Điều kiện tiên quyết:* Hoàn thành học phần Thực tập tốt nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần* **Biên dịch Tiếng Anh Nâng cao** thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được thiết kế thay thế cho khóa luận tốt nghiệp. Học phần tập trung vào việc vận dụng kiến thức ngôn ngữ, văn hóa và dịch thuật để xử lý các văn bản song ngữ có độ dài và độ phức tạp cao, thuộc nhiều lĩnh vực như kinh tế, kỹ thuật, truyền thông, học thuật, v.v.

Ngoài kỹ năng dịch thuật, sinh viên còn được rèn luyện tư duy sáng tạo, tư duy suy xét phản biện, cũng như kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp học thuật thông qua các hoạt động thảo luận, sửa lỗi, phản hồi bản dịch. Đặc biệt, học phần chú trọng đến việc áp dụng ngữ cảnh và kiến thức văn hóa trong quá trình dịch, nhằm nâng cao độ chính xác và tính tự nhiên của bản dịch sang cả hai ngôn ngữ Anh – Việt và Việt – Anh.

61.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch thuật (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:*

- *Điều kiện tiên quyết:* Hoàn thành học phần Thực tập tốt nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần:* **Ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch thuật**, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được xây dựng để thay thế cho khóa luận tốt nghiệp. Học phần này cung cấp cho sinh viên kỹ năng sử dụng các phương tiện hỗ trợ kỹ thuật trong dịch thuật để sẵn sàng trở thành người biên dịch chuyên nghiệp. Môn học này cũng được thiết kế giúp sinh viên nắm bắt cách sử dụng các nguồn tài nguyên và công cụ sẵn có vào công việc dịch thuật một cách có hiệu quả. Đồng thời môn học cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức lý thuyết về dịch thuật có hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật và phương pháp áp dụng vào thực hành biên dịch và phiên dịch. Môn học này tạo điều kiện cho người học tiếp cận và quen thuộc với các công nghệ hỗ trợ biên dịch, trở thành một lợi thế trong quá trình tham gia tuyển dụng và trong công tác dịch thuật sau khi tốt nghiệp

61.5. Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:*

- *Điều kiện tiên quyết:* Hoàn thành học phần Thực tập tốt nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần:* **Kiểm tra và đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh** thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được thiết kế thay thế cho khóa luận tốt nghiệp. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và ứng dụng về kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ. Sinh viên được tìm hiểu các loại bài kiểm tra (achievement, proficiency, diagnostic, v.v.) và tiêu chí đánh giá chất lượng như độ tin cậy, độ giá trị, tính thực tiễn và ảnh hưởng hệ quả. Học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng thiết kế bài kiểm tra theo mục tiêu học tập, xây dựng bảng ma trận và tiêu chí chấm điểm, sử dụng đa dạng kỹ thuật (gap-filling, cloze test, T/F, rewriting...). Ngoài ra, sinh viên thực hành ứng dụng phần mềm và công cụ số (Google Forms, ...) để thiết kế và triển khai đánh giá hiệu quả. Sinh viên cũng được rèn luyện tư duy phản biện và đạo đức nghề nghiệp trong kiểm tra – đánh giá ngôn ngữ

61.6. Giao tiếp liên văn hóa (Số tín chỉ: 2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:*

- *Điều kiện tiên quyết:* Hoàn thành học phần Thực tập tốt nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần:* **Giao tiếp liên văn hóa** thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được thiết kế thay thế cho khóa luận tốt nghiệp. Học phần này trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức lý thuyết nền tảng về văn hóa, giao tiếp và giao tiếp liên văn hóa; giúp người học nhận thức được sự đa dạng văn hóa cũng như các yếu tố

ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp giữa các nền văn hóa. Thông qua việc phân tích các tình huống giao tiếp điển hình, sinh viên được phát triển năng lực giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, đồng thời hình thành thái độ tích cực, chủ động và tự tin khi tham gia vào các hoạt động giao tiếp liên văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa

61.7. Lý thuyết về giảng dạy tiếng Anh (Số tín chỉ: 3 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:*
- *Điều kiện tiên quyết:* Hoàn thành học phần Thực tập tốt nghiệp
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lý thuyết giảng dạy tiếng Anh, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được xây dựng để thay thế cho khóa luận tốt nghiệp. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về việc giảng dạy Tiếng Anh, các nguyên lý cơ bản trong phương pháp truyền đạt của người dạy và sự tiếp thu của người học. Từ đó, người dạy có thể thiết kế chương trình giảng dạy đáp ứng đúng nhu cầu của người học và mục tiêu giáo dục. Đồng thời, học phần cũng giúp người học, với vai trò có thể trở thành giáo viên trong tương lai, nắm rõ các phẩm chất của người dạy và rèn luyện khả năng tư duy linh hoạt và sáng tạo trong việc vận dụng các phương pháp sư phạm

61.8. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong giảng dạy tiếng Anh(2 TC)

- *Phân bố thời gian học tập:*
- *Điều kiện tiên quyết:* Hoàn thành học phần Thực tập tốt nghiệp
- *Tóm tắt nội dung học phần:* Ứng dụng Công nghệ Thông tin trong Giảng dạy Tiếng Anh thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được xây dựng để thay thế cho khóa luận tốt nghiệp. Học phần này cung cấp cho người học kiến thức nền tảng và nâng cao về các công cụ, phần mềm và hệ thống CNTT phục vụ giảng dạy ngoại ngữ trong bối cảnh giáo dục số. Thông qua học phần, người học có khả năng nhận diện, đánh giá và lựa chọn các công cụ phù hợp để thiết kế bài giảng tiếng Anh tích hợp công nghệ; vận dụng công nghệ vào tổ chức lớp học, kiểm tra – đánh giá và tạo các hoạt động học tập tương tác. Học phần đồng thời phát triển tư duy hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng thuyết trình chuyên môn và năng lực làm việc trong môi trường giáo dục đổi mới. Thêm vào đó, người học được rèn luyện khả năng tự học, học tập suốt đời và hành xử chuyên nghiệp khi sử dụng công nghệ trong dạy học tiếng Anh.

